TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 193 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 29/6/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Trí Dũng
2. Bà Lê Thị Kim Phụng

- Thư ký Tòa án: Bà Lê Thị Thùy Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn và con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N (*có mặt*).

Địa chỉ: Khu N, Thị Trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H (*vắng mặt).*

Địa chỉ: Khu N, Thị Trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 20 tháng 02 năm 2018 và các lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 7 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân Thị Trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Chị và anh H chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2016 chị N có gởi đơn xin ly hôn tại tòa, sau đó tòa án hòa giải và chị cũng đồng ý đoàn tụ nên đã rút đơn khởi kiện. Sau khi chị N rút đơn khởi kiện thì anh H vẫn không chịu thay đổi nên chị tiếp tục làm đơn xin ly hôn với anh H. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường cãi vả nhau và chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 6/2017 đến nay.

Chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, chị N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Tại bản tự khai của anh Nguyễn Văn H (bị đơn) ngày 03/6/2018 đối với yêu cầu của nguyên đơn ngày 20 tháng 02 năm 2018, anh H khai nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên trong cuộc sống chung thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng anh vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung:

Chị N và anh H thống nhất khai vợ chồng có một con chung là Nguyễn Hoàng Bảo M, sinh ngày 01/8/2010. Nay ly hôn chị N và anh H đều có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Hoàng Bảo M, sinh ngày 01/8/2010. Chị N và anh H không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H thống nhất khai không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:

Tại hồ sơ vụ án bị đơn Nguyễn H có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

*Về nội dung:

1. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên không đồng nhất quan điểm trong cuộc sống cũng như trong gia đình, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng chị N vẫn kiên quyết ly hôn. Chị N và anh H không còn chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị N và anh H thì thấy: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung là Nguyễn Hoàng Bảo M, sinh ngày 01/8/2010. Chị N và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Hoàng Bảo M ngày 08/6/2018 thì cháu M có nguyện vọng được ở với chị N. HĐXX xét thấy, hiện cháu M có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu M còn nhỏ nên cháu cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Hơn nữa, chị M cũng có thu nhập ổn định nên đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị N là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng Cháu M đến khi trưởng thành là phù hợp. HĐXX không chấp nhận nguyện vọng nuôi con chung của ông H là phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H cùng khai không có nên HĐXX không xét.

5. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị N đối với anh Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử Cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Tuyên giao con chung Nguyễn Hoàng Bảo M, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2010 cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chưa thành niên khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con vá mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0010930 ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị N đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các cơ quan tiến hành tố tụng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND thị trấn A;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Phượng